

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HSST
Ngày: 26/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm:

1. Ông **Lầu A Vàng**.

2. Ông **Lường Văn Hưởng**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hoàng Thị Hồng Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2018/HSST, ngày 09 tháng 11 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Văn C; tên gọi khác: Không; sinh năm 1974; tại huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Đội X, bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 3/12; con ông: Lò Văn K, sinh năm 1956 và con bà: Lò Thị H, sinh năm 1954; Bị cáo có vợ Lò Thị T, sinh năm 1976 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2018 cho đến nay. Bị cáo được trích xuất áp giải và có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Lò Thị Khánh H1 – Trợ giúp viên.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Tỉnh Điện Biên.

(Có mặt tại phiên tòa)

** Bị hại:* Họ và tên: Lò Văn T1; tên gọi khác: Không; sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Có mặt tại phiên tòa)

**Người làm chứng:*

1. Họ và tên: Lò Văn Đ; tên gọi khác: Không; sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Vắng mặt không có lý do).

2. Họ và tên: Lò Văn P; tên gọi khác: Không; sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Vắng mặt không có lý do).

3. Họ và tên: Lương Văn P1; tên gọi khác: Không; sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 18/9/2018 Lò Văn C đi bộ từ nhà bố mẹ ở bản B, xã C, huyện T về nhà của mình tại Đội X, bản N, xã T, huyện Đ theo đường quốc lộ 279. Đến khoảng 18h30 phút cùng ngày thì đi đến bản C, xã B, huyện M, Lò Văn C nhìn thấy hai chiếc xe mô tô đang dựng ở đường quốc lộ 279 nhưng không có ai trông coi. Lúc này không có phương tiện đi lại, C nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn trắng – đen, BKS 27Y1- 028.43. Lò Văn C quan sát xung quanh thấy không có ai, rồi lên lút dắt chiếc xe ra ngoài đường ngồi lên và thả trôi xuống dốc ngược lại phía bản C1, xã B, huyện M mục đích là tìm quán sửa xe mở ổ khóa điện. Đi được khoảng 200m, thấy quán sửa xe anh Lò Văn Đ, trú tại bản C, xã B Lò Văn C dắt chiếc xe vào trong quán hỏi anh Đ mượn chìa khóa điện nhưng không mở được, C tiếp tục đi sang nhà anh P1 bên cạnh mượn chìa khóa mở ổ khóa điện nhưng cũng không mở được, C nhờ anh Đ phá hộ ổ khóa điện nhưng anh Đ từ chối. C quay lại chỗ dắt trộm xe để tìm chìa khóa, khi đến nơi thấy anh Lò Văn T1 và anh Lò Văn P cùng trú tại bản C, xã B đang tìm chiếc xe, anh T1 và anh P có hỏi C có thấy ai lấy chiếc xe ở đây không, C nói là có một người dắt đi xuống trung tâm bản C1, xã B rồi. Nghi ngờ C lấy trộm nên anh T1 và anh P yêu cầu C đi tìm cùng, khi đến quán sửa xe anh Đ thì thấy chiếc xe đang để ở cạnh đường trước cửa quán nhà anh Đ, anh Đ và mọi người xung quanh bảo là do C mang đến để mượn chìa khóa và nhờ phá ổ khóa điện nhưng không mở được. Sau đó anh T1 cùng mọi người xung quanh gọi điện báo công an xuống làm việc đưa về Cơ quan điều tra để làm rõ.

Ngày 19/9/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Mường Ảng đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 08/YC. Tại bản Kết luận giá trị tài sản số: 08/KL-HĐĐGTS ngày 20/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát: 27Y1 – 028.43, xe đăng ký và sử dụng tháng 11/2012, thời điểm định giá: tháng 9/2018 tổng giá trị thành tiền của vật chứng trong vụ trộm cắp tài sản ngày 18/9/2018 là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

Tại đơn đề nghị của bị hại anh Lò Văn T1 đã nhận được tài sản vì vậy không đề nghị bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Về hình phạt có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số: 30/CT-VKSMA ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Văn C về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn C từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Phần bồi thường thiệt hại do người bị hại không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về vật chứng áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 1; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS chấp nhận việc trao trả tài sản của cơ quan điều tra và người bị hại anh Lò Văn T1.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo C phải chịu án phí HSST là 200.000đ.

Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tại khoản 1 Điều 173; Điều 65 của BLHS năm 2015 quy định khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm tù, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về án phí gia đình bị cáo sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị HĐXX xem xét Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bị cáo C nhất trí nội dung bản luận cứ của người bào chữa, bị cáo không có tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo cũng chấp nhận giá trị tài sản 8.000.000đ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đề nghị xét xử vắng mặt người làm chứng trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra người làm chứng đã có đầy đủ lời khai thể hiện rõ quan điểm của mình nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như quyền lợi của họ. Vì vậy HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn C thừa nhận: Hồi 18 giờ 30 phút ngày 18/9/2018 bị cáo C đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn trắng – đen, BKS 27Y1- 028.43 của anh Lò Văn T1; trú tại: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. Mục đích trộm cắp tài sản để làm phương tiện đi lại. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp nội dung Kết luận điều tra và Cáo trạng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lò Văn C đã phạm tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng truy tố và kiểm sát viên luận tội là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Lò Văn C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”; tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[1] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên được bố mẹ cho đi học đến lớp 3/12 ở nhà lao động sản xuất. Năm 1997 lấy vợ và có 02 người con sinh sống ở bản B, xã C, huyện T. Năm 2012 bỏ vợ. Năm 2013 kết hôn với chị Lò Thị T, sinh năm 1976 có một người con, sinh sống tại Đội X, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; bị cáo có 03 người con. Ngày 18/9/2018, bị cáo có hành vi Trộm cắp tài sản. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

năm 2015 đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; tại phiên tòa bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo cũng có nơi cư trú ổn định. Vì bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát giáo dục là đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội tự cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Theo khoản 5 Điều 173 BLHS quy định bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, thu nhập chủ yếu từ làm ruộng nên không có khả năng thi hành; vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức hình phạt đối với bị cáo từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù; Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị giảm nhẹ hình phạt và bị cáo cũng có nơi cư trú ổn định nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội.

[5] Đối với phần bồi thường thiệt hại, do ông Lò Văn T1 đã nhận lại chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn trắng – đen, BKS 27Y1- 028.43 nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Đối với tài sản tạm thu giữ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Lò Văn T1. Việc trả lại tài sản cho bị hại là đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nhưng bị cáo sống xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn áp phí nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 136, 328; Điều 331, Điều 332, Điều 333; khoản 1; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn C phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn C 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày 26/11/2018.

Giao bị cáo Lò Văn C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự;

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về vật chứng: Chấp nhận việc trao trả tài sản của cơ quan điều tra và người bị hại ông Lò Văn T1.

4. Án phí: Bị cáo Lò Văn C được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2018).

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Điện Biên
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- STP tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện Mường Ảng;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hs;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân